

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Bà Hà Thị Thoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST–HNGĐ ngày 04/3/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Hoàng Thị C** – sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: anh **Lương Xuân T** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lương Xuân T kết hôn vào ngày 07/4/2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ban đầu hành phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung Lương Hoàng N, sinh ngày 23/7/2014 và Lương Tuệ M, sinh ngày 03/11/2017, hiện tại đang ở cùng anh T.

Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng: 1.000.000^d (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lương Xuân T nhất trí về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn với nội dung như chị C trình bày. Quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn do chị C đi làm ăn xa dẫn đến bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị C có hai con chung Lương Hoàng N, sinh ngày 23/7/2014 và Lương Tuệ M, sinh ngày 03/11/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 1.000.000 đồng/tháng/hai con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về hòa giải đến bị đơn Lương Xuân T nhưng anh T không có mặt. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị C được ly hôn với anh T, về con chung: giao cho anh Lương Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền: 500.000^d/tháng/một con. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Hoàng Thị C và anh Lương Xuân T kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 07/4/2014. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm,

vợ chồng không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân, mâu thuẫn kéo dài và không thể khắc phục được. Tại lời khai, các đương sự đều xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị C và anh T có 01 con chung Lương Hoàng N, sinh ngày 23/7/2014 và Lương Tuệ M, sinh ngày 03/11/2017. Kết quả xác minh của Tòa án xác định hai con hiện tại đang ở cùng anh T có nơi cư trú và học tập ổn định, con chung có nguyện vọng ở với bố.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp hiện tại chị C đi làm ăn xa không có nơi cư trú ổn định, thu nhập bình quân 7.500.000^d/tháng. Căn cứ vào mức thu nhập, nhu cầu sinh hoạt và học tập của con chung tại địa phương, xét thấy với mức cấp dưỡng: 1.000.000^d/tháng/hai con, là phù hợp.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con cho anh Lương Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Hoàng Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Lương Xuân T.

2. Về con chung: giao cho anh Lương Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Hoàng N, sinh ngày 23/7/2014 và Lương Tuệ M, sinh ngày 03/11/2017. Chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền: 1.000.000^d (một triệu đồng)/tháng (mỗi con chung: 500.000^d/tháng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 06/2022 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002190 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị C còn phải nộp số tiền: 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trình hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh